

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HUẾ

Địa chỉ: 103 Bùi Thị Xuân - Phường Thuận Hóa - Thành phố Huế

Điện thoại: 0234-381555 Fax: 0234-3826580

Website: huewaco.com.vn Email: info@huewaco.com.vn



HueWACO

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2025

**“VÌ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG
VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG”**

MỤC LỤC

A. THÔNG TIN CHUNG	2
1. Thông tin khái quát	2
2. Quá trình hình thành và phát triển:	2
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	4
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	6
5. Định hướng phát triển	8
6. Các rủi ro	9
B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	11
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	11
2. Tổ chức và nhân sự.....	11
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.....	23
4. Tình hình tài chính.....	22
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	24
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	25
C. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	28
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	28
2. Tình hình tài chính.....	28
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	29
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	29
D. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	30
1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty	30
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	30
3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT	30
E. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	33
1. Hội đồng quản trị	33
2. Báo cáo của Ban Kiểm soát	37
3. Giao dịch và thù lao của HĐQT, BKS và BGĐ	38
4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.....	38
F. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	39
1. Ý kiến của Kiểm toán đối với Báo cáo tài chính	39
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	39

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HUẾ**
(Tên viết tắt: HueWACO; Tên Tiếng Anh: Hue Water Supply Joint Stock Company)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3300101491
- Vốn điều lệ: 876.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 103 Bùi Thị Xuân, Phường Thuận Hóa, Thành phố Huế, Việt Nam
- Số điện thoại: 0234.3815555
- Số fax: 0234.3826580
- Email: info@huewaco.com.vn
- Website: www.huewaco.com.vn
- Công ty Cổ phần Cấp nước Huế được niêm yết trên sàn UPCOM vào ngày 27/07/2018
- Mã cổ phiếu: HWS (UPCOM)
- Khối lượng CP đang niêm yết: 87.600.000 cổ phiếu.

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Năm 1909, Nhà máy nước Huế được thành lập, sau này là Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế. Với công suất thiết kế đạt 2.500m³/ngđ; và tổng chiều dài đường ống mạng phân phối từ D50 - D400 khoảng 15km.

- Cuối năm 1925 đầu năm 1926, Nhà máy nước được nâng cấp và mở rộng, lắp đặt thêm 20km ống gang từ D50 đến D300, nâng tổng số chiều dài đường ống phân phối lên 54km và nâng công suất cấp nước lên 3.700 m³/ng.đ.

- Giai đoạn 1946 – 1975 là thời kỳ Nhà máy nước không phát triển nhiều, thậm chí có lúc sản xuất bị đình trệ do hậu quả của chiến tranh. Năm 1956 nhà máy nước Dã Viên được xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng cung cấp nước cho thành phố, công suất thiết kế 9.600 m³/ngày đêm.

- Sau năm 1975, đã khôi phục, cải tạo nhà máy nước Vạn Niên, trạm bơm Dã Viên và khu xử lý nước Quảng Tế, thi công 58 km đường ống cấp nước, đưa nước sạch cung cấp cho nhà máy sợi Thủy Dương, nhà máy Đông lạnh Sông Hương... nâng tổng công suất khai thác từ 9.600 m³/ng. đ (năm 1976) lên 30.000 m³/ng. đ (năm 1990).

- Từ 1993 – 2003, từ nguồn vốn vay FRF (ODA) của Pháp và vốn đối ứng, Công ty đã mở rộng hệ thống cấp nước Huế, xây dựng một nhà máy xử lý nước mới 27.500m³/ng. đ (giai

đoạn I tại Quảng Tế II), trạm bơm Vạn Niên II có công suất 120.000m³/ng. đ, lắp đặt thêm 170 km đường ống gang dẻo của Pháp. Cải tạo và nâng cấp nhà máy Dĩ Viên 12.000 m³/ngày đêm, nhà máy Quảng Tế 1 từ 20.000 lên 30.000 m³/ng.đ.

- Năm 2004, Công ty đã thực hiện thành công dự án nâng cấp nhà máy Tứ Hạ từ 4.000 lên 12.000m³/ngày đêm.

- Tháng 12/2005, Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế chuyển đổi thành Công ty TNHH NNMTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.

- Tháng 6/2005 Công ty đưa dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước Hòa Bình Chương (giai đoạn 1) vào hoạt động cấp nước cho 3 Xã Phong Hòa, Phong Bình và Phong Chương.

- Năm 2009, kỷ niệm 100 năm thành lập, Công ty hoàn thành dự án nâng công suất NMN Quảng Tế 2 từ 27.500m³/ngày đêm lên 82.500m³/ngày đêm. Đồng thời, đón nhận Huân chương độc lập hạng Nhì, công bố cấp nước an toàn trên toàn tỉnh, được Tổ chức Y tế thế giới công nhận là đơn vị đầu tiên công bố cấp nước an toàn tại Việt Nam.

- Năm 2012, Công ty xây dựng và đưa vào vận hành NMN Lộc An, Lộc Trì với công nghệ tiên tiến, hiện đại cấp nước cho Thị trấn Phú Lộc và 5 xã phụ cận.

- Năm 2014, kỷ niệm 105 năm thành lập, 5 năm công bố cấp nước an toàn, 10 năm thành lập Xí nghiệp NUĐC Bạch Mã, công bố ISO 14001 và ký hiệp định vay phụ 35,16 triệu USD với ADB và Bộ Tài chính, đồng thời khánh thành nhà máy nước Phong Thu là nhà máy an toàn và ngon đầu tiên của Công ty.

- Năm 2015, UNND phê duyệt QĐ 1509/QĐ-UBND về Điều chỉnh Quy hoạch cấp nước tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030.

- Ngày 19/12/2016, tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế. Ngày 01/1/2017, chính thức hoạt động theo mô hình công ty Cổ phần.

- Ngày 21/12/2017, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 232/2017/GCNCV-VSD, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 87.600.000 cổ phiếu.

- Năm 2018, Công ty chính thức đưa 87,6 triệu cổ phiếu của HueWACO vào giao dịch trên sàn chứng khoán Upcom tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán là HWS.

- Năm 2019, kỷ niệm 110 năm thành lập, khánh thành Dự án cấp nước TT.Huế 2011-2015, có tính đến 2020 thuộc Chương trình phát triển ngành nước Việt Nam vay vốn ADB đưa vào sử dụng 722 km đường ống từ DN50-DN1200; mở rộng cấp nước cho 31 phường xã, trong đó có 8 xã mới, tăng áp lực nước trên toàn mạng từ lên 2.0-2.5 kg/cm², giúp cho trên 260.000 đầu nôi gần 1 triệu dân (82% toàn tỉnh) được hưởng lợi.

- Ngày 24/12/2021: Thông qua miễn nhiệm thành viên HĐQT ông Trương Công Nam nghỉ hưu theo chế độ từ ngày 01/12/2021 và bầu bổ sung thành viên HĐQT đối với ông Lê

Quang Minh, đồng thời HĐQT đã bầu ông Lê Quang Minh giữ chức Chủ tịch HĐQT và cử làm người đại diện theo pháp luật của HueWACO theo quy định tại Điều lệ.

- Năm 2022: Triển khai định hướng giai đoạn phát triển 2022- 2026; Ngày 30/8/2022, Công ty tổ chức khánh thành NM XLNS Thượng Long công suất 2.000m³/ngày đêm tại xã Thượng Long, huyện Nam Đông.

- Năm 2023: Thông qua Chiến lược phát triển tổng thể HueWACO đến năm 2030, tầm nhìn 2045; Đã đưa vào vận hành thương mại Dự án án NMXLN Vạn Niên công suất 120.000 m³/ngđ (giai đoạn 1 60.000 m³/ngđ) từ ngày 18/09/2023.

- Năm 2024: tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2024; Khánh thành và chính thức đưa vào hoạt động nhà máy XLNS Vạn Niên 120.000m³/ngđ (GD 1: 60.000 m³/ngđ), nhằm đảm bảo nâng công suất cấp nước đáp ứng nhu cầu sử dụng nước, HueWACO đã thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD năm 2024 với tất cả các chỉ tiêu đều đạt và vượt so với kế hoạch đề ra và cùng kỳ năm 2023. Thủ tướng phê duyệt Quyết định 108/QĐ-TTg về Quy hoạch Chung đô thị Thừa Thiên Huế đến năm 2045, tầm nhìn 2065 (bao gồm cả Cấp nước).

- Năm 2025: hoàn thành việc khánh thành và đưa vào hoạt động 8/9 Phòng giao dịch đạt chuẩn gắn với 09 CMA bán lẻ - 09 vùng phục vụ cấp nước; hoạt động SXKD được triển khai đồng bộ, hiệu quả, cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; triển khai đề án Dịch vụ Khách hàng số đồng thời từng bước triển khai định hướng chuyển đổi số, hướng tới mục tiêu doanh nghiệp số đến năm 2030; đạt kết quả tốt trong công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai do mưa lũ trong năm 2025.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước. <i>Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước sạch.</i>	3600 (chính)
2	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. <i>Chi tiết:</i> - Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai; - Sản xuất nước uống Ion kiềm; - Sản xuất nước uống Linh Chi.	1104
3	Bán buôn đồ uống. <i>Chi tiết:</i> - Kinh doanh nước uống tinh khiết đóng chai; - Kinh doanh nước uống Ion kiềm; - Kinh doanh nước uống Linh Chi.	4633
4	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết: Sản xuất máy móc, vật tư thiết bị ngành nước.</i>	2599
5	Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác.	4659

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
	<i>Chi tiết:</i> - Kinh doanh sản phẩm gia công cơ khí, máy móc, vật tư thiết bị ngành nước; - Thực hiện liên kết kinh doanh, làm nhà phân phối, đại diện, đại lý các sản phẩm vật tư, thiết bị, công nghệ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.	
6	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết: Lập dự án đầu tư các công trình cấp thoát nước đô thị và nông thôn.</i>	7490
7	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. <i>Chi tiết:</i> - Thiết kế các công trình cấp thoát nước đô thị và nông thôn. - Tư vấn các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật. - Thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật. - Tư vấn chuyển giao kỹ thuật giảm thiểu nước không doanh thu. - Tư vấn chuyển giao công nghệ xử lý nước. - Tư vấn chuyển giao các ứng dụng CNTT trong lĩnh vực cấp nước.	7110
8	Hoạt động tư vấn quản lý. <i>Chi tiết:</i> - Tư vấn các công trình cấp thoát nước đô thị và nông thôn. - Tư vấn, chuyển giao cấp nước an toàn.	7020
9	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. <i>Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng.</i>	2392
10	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. <i>Chi tiết: kinh doanh vật liệu xây dựng.</i>	4663
11	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. <i>Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị phương tiện phục vụ thi công các công trình cấp thoát nước.</i>	7730
12	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. <i>Chi tiết: xây dựng công nghệ thông tin trong lĩnh vực cấp thoát nước.</i>	6209
13	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. <i>Chi tiết: Chế tạo công nghệ xử lý nước.</i>	3290
14	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. <i>Chi tiết:</i> - Kiểm tra chất lượng và độ tin cậy của đồng hồ đo nước lạnh. - Dịch vụ xét nghiệm chất lượng nước.	7120
15	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh <i>Chi tiết:</i> - Trồng rau các loại - Trồng đậu các loại - Trồng hoa cây cảnh	0118

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
16	Trồng cây ăn quả Chi tiết: - Trồng cây ăn quả khác - Trồng cam, quýt và các loại có múi khác	0121
17	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: - Xây dựng các công trình cấp thoát nước đô thị và nông thôn. - Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật.	4299
18	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị công nghệ chuyên ngành cấp thoát nước.	8299
19	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cho thuê lại các lao động có tay nghề có chuyên môn kỹ thuật cao về lĩnh vực cấp nước của Công ty	7830
20	Sản xuất hóa chất cơ bản Chi tiết: Sản xuất Javen để khử trùng nước	2011
21	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí Chi tiết: Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy (Lắp đặt, sửa chữa, duy tu bảo dưỡng, vận hành quản lý các trụ nước chữa cháy để phục vụ công tác chữa cháy khi có cháy nổ xảy ra)	4322

3.2. Địa bàn kinh doanh:

Công ty hiện đang quản lý chủ yếu hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất, kinh doanh khu vực toàn thành phố Huế.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị và sơ đồ bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Công ty cổ phần Cấp nước Huế được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty cổ phần, tuân thủ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần cấp nước Huế. Theo đó, cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty gồm:

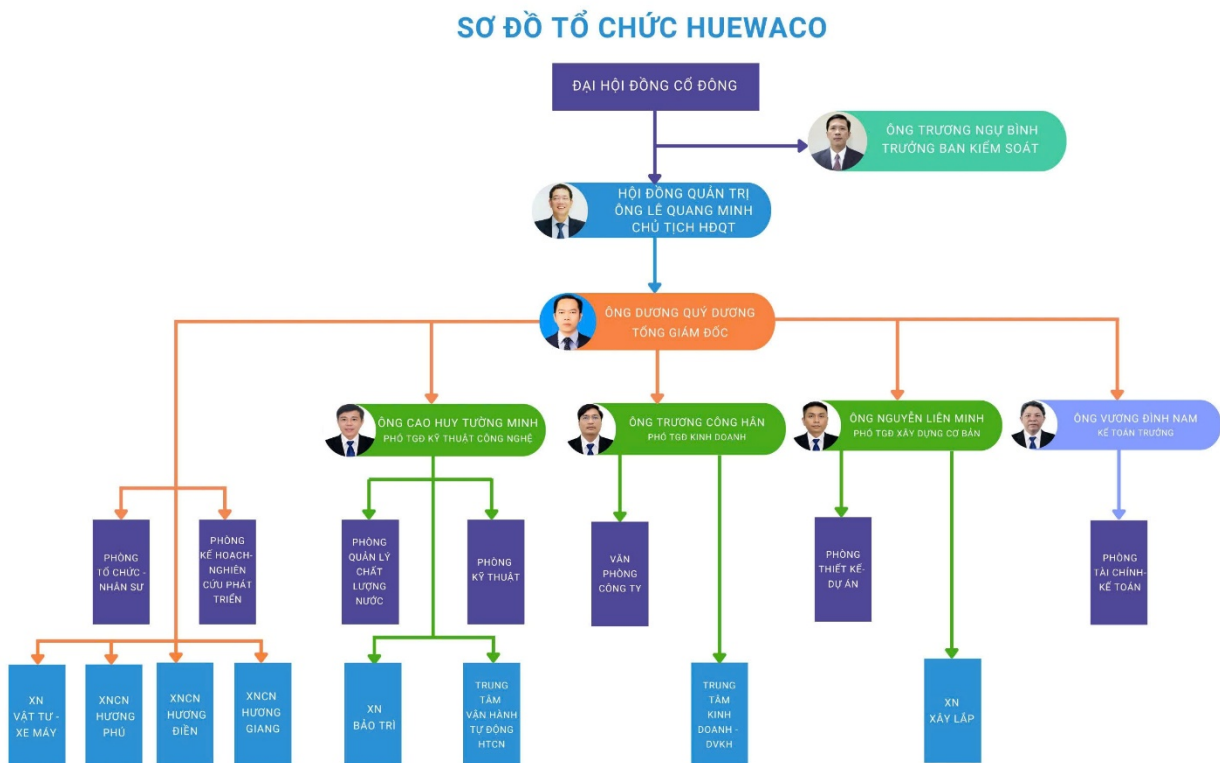
- + Đại hội đồng cổ đông;
- + Hội đồng quản trị;
- + Ban Kiểm soát;
- + Ban Tổng Giám đốc/Ban Điều hành;

+ 7 phòng ban, đơn vị chuyên môn, gồm: Văn phòng Công ty, phòng Tài chính - Kế toán, phòng Kế hoạch – Nghiên cứu phát triển, phòng Kỹ thuật, phòng Tổ chức - Nhân sự, phòng Thiết kế - Dự án và phòng Quản lý Chất lượng nước.

+ 8 Chi nhánh (Xí nghiệp, TT), gồm: Xí nghiệp Cấp nước Hương Giang, Xí nghiệp Cấp nước Hương Điền, Xí nghiệp Cấp nước Hương Phú, Xí nghiệp Xây lắp, Xí nghiệp Bảo trì, Xí nghiệp Vật tư - Xe máy, Trung tâm vận hành tự động hệ thống cấp nước và Trung tâm Kinh doanh - Dịch vụ khách hàng.

+ Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

- Sơ đồ cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty:



- **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):** Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư dài hạn trong việc phát triển Công ty, quyết định cơ cấu vốn, bầu ra cơ quan quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

- **Hội đồng quản trị (HĐQT):** Là cơ quan quản lý Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra. HĐQT có toàn quyền quyết định, thực hiện mọi vấn đề liên quan tới mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ quyết định. Hội đồng quản trị hiện tại gồm 05 thành viên, trong đó có 01 Chủ tịch HĐQT và 04 thành viên HĐQT. Hội đồng quản trị có các trách nhiệm chính như sau:

+ Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ;

+ Giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

+ Thành viên HĐQT sẽ được phân công giám sát từng lĩnh vực hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và bộ máy quản lý Công ty;

+ Quyền và nhiệm vụ của HĐQT do pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

- **Ban Kiểm soát:** Ban Kiểm soát do ĐHĐCĐ của Công ty bầu. Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm, có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, quyết định của ĐHĐCĐ.

- **Ban Tổng Giám đốc/Ban Điều hành:** Ban Tổng Giám đốc Công ty bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó tổng Giám đốc đều do HĐQT bổ nhiệm. Hiện tại, Công ty có 01 Tổng Giám đốc, 03 Phó tổng Giám đốc và Kế toán trưởng, các thành viên đều tham gia làm việc toàn thời gian cho Công ty.

Trách nhiệm chính của Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc là:

+ Thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

+ Trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh hàng năm và thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua.

+ Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động, quyết định mức lương, lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, ngoại trừ những chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT, Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật quy định.

- **Các phòng ban, đơn vị chuyên môn:** Các phòng, ban nghiệp vụ có chức năng tham mưu và giúp việc cho Chủ tịch HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, HĐQT. Các cán bộ phụ trách phòng ban nghiệp vụ do Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc quyết định theo phân cấp được HĐQT phê duyệt; Các chuyên viên, nhân viên nghiệp vụ thực hiện các công việc do cán bộ phụ trách phân công.

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu:

- Đột phá về cơ cấu tổ chức, nhân sự: Nguồn nhân lực là chìa khóa vàng của thành công gắn với phát huy quyền làm chủ của tập thể.

- Đột phá về quản trị điều hành: quản trị hiệu quả hoạt động, quản trị rủi ro; rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật, các giải pháp công nghệ hiện đại, đổi mới liên tục.

- Đột phá về cơ sở vật chất, nhà máy, thiết bị: ngày càng hiện đại, vận hành trên nền tảng công nghệ số.

5.2. Thực hiện 5 nhóm giải pháp trọng tâm:

- Tái cơ cấu, quy hoạch nhân sự, đẩy mạnh đào tạo.
- Nâng cao chất lượng nước, đảm bảo cấp nước an toàn gắn với an ninh nguồn nước, xây dựng Trung tâm điều hành và Trung tâm kinh doanh DVKH trên nền tảng số, dịch vụ hoàn hảo.
- Tạo sự đột phá về Doanh thu dựa trên tiềm năng thế mạnh sẵn có; tiết giảm chi phí; kinh doanh ngày càng hiệu quả.
- Triển khai các dự án đầu tư theo kế hoạch, đảm bảo hiệu quả cao nhất.
- Đảm bảo hài hòa lợi ích: cổ đông, người lao động, cộng đồng để phát triển bền vững.

5.3. Trở thành doanh nghiệp số trước năm 2027

Đặt mục tiêu trở thành doanh nghiệp số trước năm 2027 trong nền tảng Chính quyền số và đô thị thông minh Huế; đẩy mạnh triển khai 03 trụ cột chính đó là:

- Trụ cột đầu tiên, **Dịch vụ khách hàng số** hướng tới việc nâng cao trải nghiệm của khách hàng thông qua môi trường số, đổi mới đánh giá sự hài lòng của Khách hàng đối với chất lượng nước và dịch vụ của HueWACO trên cơ sở tương tác hai chiều, từ đó cải thiện chất lượng dịch vụ khách hàng, tiến tới cung cấp dịch vụ hoàn hảo.

- Trụ cột thứ hai, **Vận hành tự động thông minh hệ thống cấp nước**, cấp nước an toàn, an ninh nước. Đẩy mạnh việc hợp tác, chuyển giao, tiếp thu kiến thức công nghệ với các đối tác trong nước và ngoài nước theo kim chỉ nam: **Công Nghệ - Tự Động – Thông Minh Hệ Thống Cấp Nước**.

- Trụ cột thứ ba, xây dựng hệ thống **Quản trị số** với mục tiêu tất cả công tác quản trị được tác nghiệp hoàn toàn trên **nền tảng số**.

6. Các rủi ro

6.1. Rủi ro về môi trường

Tình trạng biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan, nắng nóng kéo dài bất thường làm chất lượng nguồn nước suy giảm và xâm nhập mặn; mưa lớn nhiều tháng liền, lạnh sâu và bão lũ lớn với tần suất ngày càng tăng; trong khi cơ sở hạ tầng vẫn chưa đảm bảo, nhiều nhà máy đã đầu tư qua nhiều năm hiện đã quá cũ, công suất thiếu, bể chứa nhỏ... nên khó duy trì an ninh nước, nguy cơ rủi ro cao.

Tình trạng nước nguồn bị ô nhiễm do chất thải, nước thải chưa qua xử lý từ các khu dân cư, trang trại chăn nuôi gia súc và nhà máy công nghiệp thải trực tiếp xuống sông...

6.2. Rủi ro đặc thù

Rủi ro thất thu, thất thoát nước: Hoạt động cung cấp nước sạch thông qua hệ thống mạng lưới ống cấp nước ngầm dưới đất của Công ty tiềm ẩn rủi ro lớn là thất thoát nước. Nguyên nhân của tình trạng này do đường ống lâu năm bị mòn, vỡ, chủng loại ống, vi phạm sử dụng nước hoặc do sự chòng chéo trong đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông, viễn thông, làm tăng nguy cơ các sự cố vỡ đường ống. Thất thoát nước thường khó phát hiện, công tác sửa chữa cũng thường khó khăn và tốn kém do hệ thống nước ngầm này nằm bên dưới các công trình dân cư, công trình công cộng, từ đó gây tổn thất tài chính cho Công ty.

Ngoài ra địa bàn cấp nước rộng lớn, bao gồm cả đô thị, nông thôn, các khu vực bãi ngang, đầm phá ven biển và miền núi. Do vậy, khó khăn trong công tác quản lý, giảm tỷ lệ nước không doanh thu. Đồng thời, cần nguồn vốn đầu tư lớn để duy trì, bảo dưỡng hệ thống.

Các công trình cấp nước nông thôn tiếp nhận hầu hết đã xuống cấp nghiêm trọng, để đảm bảo hoạt động đồng bộ và có hiệu quả cần nguồn vốn đầu tư lớn để nâng cấp, cải tạo, đảm bảo cấp nước an toàn.

Rủi ro đầu vào sản xuất: rủi ro về biến đổi khí hậu cạn kiệt nguồn nước, sự ổn định trữ lượng nguồn nước và chất lượng nguồn nước thô. Chi phí điện năng chiếm tỷ trọng đáng kể trong giá thành, trong khi giá điện có xu hướng ngày càng tăng.

6.3. Rủi ro chiến tranh và biến động giá cả

Trong bối cảnh tình hình thế giới tiềm ẩn nhiều bất ổn, đặc biệt là các xung đột địa chính trị và biến động giá cả trên thị trường toàn cầu, hoạt động của Công ty chịu tác động đáng kể. Chiến tranh và căng thẳng khu vực làm gián đoạn chuỗi cung ứng, gia tăng chi phí vận chuyển, nguyên vật liệu; Những yếu tố này tạo áp lực đối với công tác điều hành sản xuất kinh doanh và yêu cầu Công ty phải chủ động thích ứng, nâng cao năng lực quản trị rủi ro trong giai đoạn hiện nay.

6.4. Các rủi ro khác

Bên cạnh những rủi ro có thể ảnh hưởng xuyên suốt đến quá trình hoạt động của Công ty, còn có một số rủi ro nằm ngoài dự đoán như: thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tai nạn lao động,... dù rất hiếm nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD Công ty.

B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2025, Công ty đã không ngừng nỗ lực vượt nhiều khó khăn, thách thức để cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2025 đã đề ra.

Đơn vị tính: Triệu m³ – Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Đvt	TH 2025	So với thực hiện 2024		So với kế hoạch 2025	
				TH 2024	TH2025/ TH2024	KH 2025	TH2025/ KH 2025
1	Nước sản xuất	Tr. m ³	72,33	72,01	100,44%	71,16	101,64%
2	Tổng doanh thu + thu nhập khác	Tỷ.đ	676,66	690,09	-1,95%	717,45	94,32%
	- Doanh thu nước sạch	Tỷ.đ	628,90	619,32	1,55%	669,05	94,00%
	- Doanh thu khác	Tỷ.đ	47,76	70,77	-32,51%	48,39	98,69%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	160,23	155,02	3,37%	160,00	100,15%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ.đ	142,08	134,99	5,26%	141,70	100,27%
5	Tổng tài sản	Tỷ.đ	1.945,56	1.957,17	-0,59%	1.963,88	99,07%
6	Vốn điều lệ	Tỷ.đ	876,00	876,00	0,00%	876,00	100,00%
7	Nộp ngân sách	Tỷ.đ	156,20	157,69	-0,94%	152,35	102,53%

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách ban điều hành

- Giới thiệu Hội đồng quản trị

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Lê Quang Minh	Chủ tịch HĐQT	Sở hữu đại diện: 31.278.300 cổ phần (UBND thành phố Huế)	35,71%
2	Ông Dương Quý Dương	TV HĐQT; Tổng Giám đốc	Sở hữu cá nhân: 45.200 cổ phần	0,05%
			Sở hữu đại diện: 15.332.500 cổ phần (UBND thành phố Huế)	17,50%
3	Ông Trương Công Hân	TV HĐQT Phó Tổng Giám đốc	Sở hữu cá nhân: 69.300 cổ phần	0,08%
			Sở hữu đại diện: 8.586.200 cổ phần (UBND thành phố Huế)	9,80%
4	Ông Vương Đình Nam	TV HĐQT; Kế toán trưởng	Sở hữu đại diện: 6.133.000 cổ phần (UBND thành phố Huế)	7,00%
5	Ông Nguyễn Trọng Hiếu	TV HĐQT	Sở hữu đại diện: 2.500.000 cổ phần (Công ty CP DNP Hawaco)	2,85%

- Giới thiệu Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Ban Điều hành	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Dương Quý Dương	Tổng Giám đốc	17/06/2022	
2	Ông Trương Công Hân	Phó TGD	01/09/2023	
3	Ông Cao Huy Tường Minh	Phó TGD	30/05/2023	
4	Ông Nguyễn Liên Minh	Phó TGD	30/05/2023	
5	Ông Vương Đình Nam	Kế toán trưởng	17/06/2022	

- Tóm tắt lý lịch các thành viên HĐQT và Ban điều hành

Ông Lê Quang Minh – Chủ tịch HĐQT

Họ và tên	Lê Quang Minh
Năm sinh	01/03/1971
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kinh tế - Đại học Kinh tế Huế; Cử nhân Quản lý & kinh doanh công nghiệp – Đại học Bách khoa Đà Nẵng
Chức vụ tại Công ty	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chức vụ tại các công ty khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ	Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
	Sở hữu đại diện: 31.278.300 cổ phần (UBND thành phố Huế)
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 11/1993 - 07/2004: Chuyên viên, Thanh tra viên cấp 1, Ủy viên Ủy ban kiểm tra Đảng bộ Sở Tài chính Vật giá Thừa Thiên Huế nhiệm kỳ 2003 – 2005. - Từ 08/2004 đến 14/01/2005: Công tác tại phòng Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính. Từ 01/12/2004, Phó chánh thanh tra Tài chính – Giá cả, Sở Tài chính. - Từ 15/01/2005 - 2006: Chuyên viên Phòng Tổng Hợp Văn phòng UBND tỉnh; Bí thư Chi bộ I Đảng bộ Văn phòng UBND tỉnh. - Từ 2006-2007: Phó Trưởng phòng Tổng hợp Văn phòng UBND tỉnh; Bí thư Chi bộ I, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Văn phòng UBND tỉnh. - Từ 2007-04/5/2015: Trưởng phòng Tổng hợp Văn phòng UBND tỉnh; Bí thư Chi bộ Tổng hợp Kinh tế, Ủy viên BCH Đảng bộ Văn phòng UBND tỉnh. - Từ 05/5/2015-28/02/2019: Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển và bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh TT. Huế.

	<p>- Từ 01/3/2019 – 30/11/2021: Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh TT. Huế; Bí thư Chi bộ cơ sở Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh TT. Huế.</p> <p>- 01/12/2021 – 31/3/2025: Ủy viên BCH Đảng bộ Khối CQ & DN (Từ 30/9/2022); Bí thư Đảng ủy Công ty, NK 2020 – 2025 (Từ 17/10/2022); Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế.</p> <p>- Từ 01/4/2025 – nay: Bí thư Đảng ủy Công ty, NK 2025 – 2030; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Huế.</p>
--	---

Ông Dương Quý Dương – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Họ và tên	Dương Quý Dương
Năm sinh	22/10/1978
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Đại học Kinh tế Huế; Cử nhân Tiếng Anh – Đại học Ngoại ngữ Huế
Chức vụ tại Công ty	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Huế.
Chức vụ tại các công ty khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ	Sở hữu cá nhân: 45.200 cổ phần
	Sở hữu đại diện: 15.332.500 cổ phần (UBND thành phố Huế)
Quá trình công tác	<p>- Từ 10/2000 – 11/2003: Nhân viên phòng Tổ chức – Hành chính, Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 12/2003 – 12/2007: Phó phòng Hành chính – Pháp chế, Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 01/2008 – 02/2011: Phó phòng lao động tiền lương, Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 03/2011 – 09/2014: Trưởng phòng Lao động tiền lương Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 10/2014 – 12/2016: Trưởng phòng Đào tạo phát triển nguồn nhân lực, Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 01/2017 – 06/2020: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế.</p> <p>- Từ 06/2020 – 17/06/2022: Phó Bí thư Đảng ủy Công ty, NK 2020 – 2025; Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế.</p>

	<p>- Từ 17/06/2022 – 31/3/2025: Phó Bí thư Đảng ủy Công ty, NK 2020 – 2025 và NK 2025 - 2030; Phó Chủ tịch Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh T.T.Huế; Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước T.T.Huế.</p> <p>- Từ 01/4/2025 – nay: Phó Bí thư Đảng ủy Công ty, NK 2025 – 2030; Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Huế.</p>
--	---

Ông Trương Công Hân – Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên	Trương Công Hân
Năm sinh	30/05/1982
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Đại học Kinh tế Huế; Kỹ sư Cấp thoát nước
Chức vụ tại Công ty	Phó Tổng giám đốc công ty
Chức vụ tại các công ty khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ	Sở hữu cá nhân: 69.300 cổ phần
	Sở hữu đại diện: 8.586.200 cổ phần (UBND thành phố Huế)
Quá trình công tác	<p>- Từ 07/2004 – 05/2007: Nhân viên phòng Tổ chức Hành chính và phòng Kế hoạch Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 06/2007 – 09/2008: Phó Phòng Kế hoạch Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 10/2008 – 05/2010: Trưởng phòng Kế hoạch Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 06/2010 – 11/2014: Phó Bí thư Đảng ủy (nhiệm kỳ 2010 – 2015); Ủy viên BCH Hội liên hiệp thanh niên Việt Nam; Đại biểu HĐND thành phố Huế nhiệm kỳ 2011 – 2016.</p> <p>- Từ 12/2014 – 12/2016: Phó Giám đốc Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước TT.Huế.</p> <p>- Từ 01/2017 – 06/2020: Phó Bí thư Đảng bộ Công ty (NK 2015 – 2020); Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế.</p> <p>- Từ 06/2020 – 17/06/2022: Bí thư Đảng ủy Công ty, NK 2020 – 2025; Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế; Đại biểu HĐND Tỉnh TT.Huế nhiệm kỳ 2021-2026.</p> <p>- Từ 17/06/2022 – 31/8/2023: Phó Bí thư Đảng ủy Công ty, NK 2020-2025, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty</p>

	<p>- Từ 01/9/2023 – 31/03/2025: Phó Bí thư Đảng ủy Công ty, NK 2020-2025 và NK 2025-2030, Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước T.T.Huế.</p> <p>- Từ 01/4/2025 – nay: Phó Bí thư Đảng ủy Công ty, NK 2025 – 2030; Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Huế.</p>
--	--

Ông Cao Huy Tường Minh –Phó Tổng Giám đốc (từ 30/05/2023)

Họ và tên	Cao Huy Tường Minh
Năm sinh	18/10/1970
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí
Chức vụ tại Công ty	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ tại các công ty khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ	Sở hữu cá nhân: 5.600 cổ phần
	Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
Quá trình công tác	<p>- Từ 11/1993-05/1994: Kỹ sư kinh doanh tại công ty TNHH Trường Tuyền – tp HCM.</p> <p>- Từ 06/1994-08/1994: Nhân viên đo đạc địa chính (hợp đồng) tại Trung tâm kỹ thuật địa chính tỉnh Thừa Thiên Huế</p> <p>- Từ 09/1994-06/1995: Nhân viên bảo trì, xưởng Cơ điện, Công ty Cấp thoát nước tỉnh Thừa thiên Huế.</p> <p>- Từ 07/1995-07/2001: Nhân viên phòng Kỹ thuật, Công ty Cấp thoát nước tỉnh Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 08/2001-07/2008: Trưởng phòng Kỹ thuật, Công ty TNHH NN MTV Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 08/2008-11/2011: Trưởng phòng Quản lý mạng và Phân phối nước, Công ty TNHH NN MTV Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 12/2011-07/2013: Phó Ban Quản lý dự án cấp nước Thừa Thiên Huế, vốn vay ADB, Công ty TNHH NN MTV Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 08/2013-06/2022: Kinh doanh tại nhà riêng.</p> <p>- Từ 04/07/2022- 30/5/2023: Trợ lý kỹ thuật Chủ tịch Hội đồng quản trị, Công ty Cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 30/05/2023 – 31/3/2025: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước T.T. Huế.</p> <p>- Từ 01/4/2025 – nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Huế.</p>

Ông Nguyễn Liên Minh –Phó Tổng Giám đốc (từ 30/05/2023)

Họ và tên	Nguyễn Liên Minh
Năm sinh	19/5/1981
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ quản trị cấp nước tại Pháp, Thạc sĩ kiến trúc
Chức vụ tại Công ty	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ tại các công ty khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ	Sở hữu cá nhân: 395.900 cổ phần
	Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 2003 – 2005: Công tác tại Công ty Tư vấn thiết kế Cảng hàng không Nhật Bản tại Tp Hồ Chí Minh. - Từ 2005 – 2009: Công tác tại Công ty TNHH Kiến trúc Hồ Thiệu Trị và cộng sự Tp Hồ Chí Minh - Từ 2009 – 2012: Công tác tại Công ty TNHH TM Liên Hoa - Từ 03/2012 – 06/2013: Nhân viên phòng Thiết kế, Công ty TNHH NN MTV Xây dựng & Cấp nước TT-Huế - Từ 07/2013 – 10/2013: Phó Ban Quản lý dự án, Công ty TNHH NN MTV Xây dựng & Cấp nước TT-Huế - Từ 10/2013 – 05/2023: Trưởng phòng Thiết kế - Dự án, Công ty Cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế. - Từ 30/5/2023 – 31/3/2025: Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty, NK 2020 – 2025 và NK 2025 – 2030; Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước T.T. Huế. - Từ 01/4/2025 – nay: UVBCH Đảng ủy công ty, NK 2025 – 2030, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Huế.

Ông Vương Đình Nam – Thành viên Hội đồng quản trị, Kế toán trưởng (Từ 17/6/2022)

Họ và tên	Vương Đình Nam
Năm sinh	24/04/1981
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản lý kinh tế – Đại học Kinh tế Huế; Cử nhân Kế toán – Đại học Kinh tế & QTKD Đà Nẵng
Chức vụ tại Công ty	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính – Kế toán Công ty Cổ phần Cấp nước TT.Huế.
Chức vụ tại các công ty khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ	Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
	Sở hữu đại diện: 6.133.000 cổ phần (UBND thành phố Huế)

Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 11/2003 – 11/2004: Cán bộ tập sự tại Thanh tra Sở Tài chính Thừa Thiên Huế. - Từ 11/2004 – 11/2007: Chuyên viên Thanh tra Sở Tài chính Thừa Thiên Huế. - Từ 11/2007 – 06/2015: Thanh tra viên Thanh tra Sở Tài chính Thừa Thiên Huế. - Từ 06/2015 – 10/2016: Trưởng Ban kiểm soát Quỹ Đầu tư phát triển và Bảo lãnh tín dụng cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thừa Thiên Huế. - Từ 10/2016 – 02/2019: Kế toán trưởng Quỹ Đầu tư phát triển và Bảo lãnh tín dụng cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thừa Thiên Huế. - Từ 03/2019 – 06/2022: Kế toán trưởng Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế. - Từ 06/2022 – 31/3/2025: Ủy viên BCH, Ủy viên BTV Đảng ủy Công ty, NK 2020 – 2025 (Từ 21/11/2022) và NK 2025 – 2030; Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cấp nước T.T. Huế. - Từ 01/4/2025 – nay: UVBCH, UV BTV Đảng ủy công ty, NK 2025 – 2030, Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cấp nước Huế.
---------------------------	--

Ông Nguyễn Trọng Hiếu – thành viên HĐQT (từ 30/5/2023)

Họ và tên	Nguyễn Trọng Hiếu
Năm sinh	01/12/2973
Trình độ chuyên môn	Tiến sĩ Quản trị kinh doanh
Chức vụ tại Công ty	Thành viên HĐQT
Chức vụ tại các công ty khác	Chủ tịch HĐQT Công ty CP DNP Hawaco Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nước sạch Hưng Yên
Số cổ phần nắm giữ	Sở hữu: 0%
	Đại diện: 2.500.000 cổ phần
Quá trình công tác	2017 – 16/05/2024: Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Sóc Trăng 2019 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP DNP Hawaco 2021 – nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Nước sạch Hưng Yên 2020 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Sơn La 2024 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Nước sạch Bắc Giang

- Giới thiệu Ban kiểm soát

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Trương Ngự Bình	Trưởng BKS	Sở hữu cá nhân: 332.897	0,38%
2	Bà Trần Thị Bé	TV BKS	Sở hữu cá nhân: 90.100	0,10%
3	Bà Đào Thị Hoàng Oanh	TV BKS	Sở hữu đại diện: 0	0%

- Tóm tắt lý lịch các thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	Trình độ chuyên môn	Quá trình công tác
1	Ông Trương Ngự Bình	20/10/1973	Trưởng BKS	Không có	Cử nhân quản trị kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 8/1992 - 4/1996: Công nhân Xây lắp đường ống Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế, - Từ 5/1998 – 12/2005: Cán bộ phòng Kế hoạch, Công ty Cấp thoát nước Thừa Thiên Huế. - Từ 01/2006 – 12/2007: Phó phòng Quản lý XDCB, Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước TT. Huế. - Từ 01/2008 – 09/2008: Phó phòng LĐ-TL & Pháp chế, Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế. - Từ 10/2008 – 03/2011: Trưởng phòng Lao động – Tiền lương, Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế. - Từ 3/2011 – 02/2013: Phó Giám đốc Xí nghiệp XDCB, Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế. - Từ 3/2013 – 11/2013: Trưởng phòng Dịch vụ khách hàng, Công

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	Trình độ chuyên môn	Quá trình công tác
						<p>ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 11/2013 – 30/5/2023: Trưởng phòng Hành chính – Quản trị, Công ty Cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Từ 30/5/2023 – 31/3/2025: Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty NK 2020-2025 và Ủy viên BTV Đảng ủy Công ty NK 2025 – 2030; Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước T.T. Huế.</p> <p>- Từ 01/4/2025 – nay: UVBCH, Đảng ủy công ty, NK 2025 – 2030, Trưởng Ban kiểm soát công ty Cổ phần Cấp nước Huế.</p>
2	Bà Trần Thị Bé	17/09/1971	TV BKS	Không có	<p>Cử nhân Tài chính Kế toán</p> <p>- Đại học Tài chính Kế toán Tp.HC M</p>	<p>- Từ 08/2000 – 02/2003: Nhân viên Đội xe & Cung ứng vật tư, Công ty Cấp thoát nước TT. Huế.</p> <p>- Từ 03/2003 – 06/2010: Nhân viên Phòng Kế toán, Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước TT. Huế.</p> <p>- Từ 07/2010 – 02/2012: Phó Chi nhánh Cấp nước Tứ Hạ, Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước TT. Huế.</p> <p>- Từ 03/2012 – 02/2013: Trưởng Chi nhánh cấp nước Tứ Hạ, Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước TT. Huế.</p> <p>- Từ 03/2013 – 10/2013: Phó phòng Dịch vụ khách hàng, Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước TT. Huế.</p> <p>- Từ 11/2013 – 05/2014: Phó Giám đốc Xí nghiệp Cấp nước Huế,</p>

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	Trình độ chuyên môn	Quá trình công tác
						<p>Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước TT. Huế.</p> <p>- Từ 06/2014 – 08/2015: Giám đốc Xí nghiệp cấp nước Hương Phú, Công ty TNHH NN MTV Xây dựng và Cấp nước TT. Huế.</p> <p>- Từ 08/2015 – 01/2022: Giám đốc Xí nghiệp NUĐC Bạch Mã, Công ty Cổ phần Cấp nước TT. Huế.</p> <p>- Từ 02/2022 – 12/2022: Giám đốc Xí nghiệp Vật tư - Xe máy – Bạch Mã, Công ty Cổ phần Cấp nước TT. Huế.</p> <p>- Từ 01/2023 – nay: Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty NK 2020-2025 và NK 2025-2030; Giám đốc Xí nghiệp Vật tư - Xe máy, Công ty Cổ phần Cấp nước Huế.</p> <p>- Từ 17/06/2022 – 31/3/2025: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước T.T. Huế.</p> <p>- Từ 01/04/2025 – nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Huế.</p>
3	Bà Đào Thị Hoàng Oanh	25/05/1985	TV BKS	Nhân viên Công ty TNHH Cơ điện Hawaco	Cử nhân Kinh tế - ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội	<p>- Từ 2009 – 2015: Nhân viên Kế toán tổng hợp, Công ty CP Techmate;</p> <p>- Từ 2015 – 2018: Kế toán trưởng Công ty CP TM VT Sao Bắc</p> <p>- Từ 2019 – nay: Nhân viên Công ty TNHH Cơ điện Hawaco.</p> <p>- Từ 17/06/2022 – 31/3/2025: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước T.T. Huế.</p>

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Chức vụ	Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác	Trình độ chuyên môn	Quá trình công tác
						- Từ 01/04/2025 – nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Huế.

2.2. Số lượng cán bộ, nhân viên

- Số lượng nhân sự:

TT	Tiêu chí	Số lượng 2024 (người)	Số lượng 2025 (người)	Tăng, giảm 2025/2024 (%)
I	Theo trình độ lao động			
1	Trình độ trên Đại học	22	26	18,18
2	Trình độ Đại học	206	215	4,37
3	Trình độ Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp	102	101	-0,98
4	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	140	130	-7,14
5	Lao động phổ thông	38	36	-5,26
II	Theo đối tượng lao động			
1	Lao động trực tiếp	279	279	0
2	Lao động gián tiếp	229	229	0
III	Theo giới tính			
1	Nam	374	377	0,80
2	Nữ	134	131	-2,24
IV	Theo độ tuổi			
1	Dưới 25	4	4	0
2	Từ 25-35	77	76	-1,30
3	Trên 35	427	428	0,23
V	Theo thời gian làm việc tại công ty			
1	Từ 0-2 năm	42	24	-42,86
2	Từ 2-5 năm	21	46	119,05
3	Từ 5-10 năm	63	48	-23,81
4	Trên 10 năm	382	390	2,09
*	Tổng cộng	508	508	0

- Chính sách nhân sự

Xây dựng các mục tiêu đột phá về cơ cấu tổ chức, nhân sự

Tiếp tục rà soát, bổ sung quy hoạch nhân sự hàng năm nhằm kịp thời bổ sung quy hoạch nguồn quy hoạch Lãnh đạo, Cán bộ quản lý, gắn với quy hoạch cấp ủy phù hợp với thực tế, mục tiêu chiến lược của Công ty; Hoàn thành hồ sơ bổ sung quy hoạch cấp ủy nhiệm kỳ 2025 – 2030; quy hoạch chi ủy các chi bộ nhiệm kỳ 2025-2027; Đồng thời xây dựng kế hoạch luân chuyển, điều động nhân sự phù hợp với quy hoạch nhân sự.

Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu, thay đổi, bổ sung, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ cho từng bộ phận phù hợp. Theo đó, Kế toán trưởng không kiêm nhiệm Trưởng phòng Tài chính - Kế toán: Chỉ đạo, quản lý toàn bộ hoạt động Tài chính – Kế toán của Công ty; Tách chức năng, nhiệm vụ Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật thành 02 bộ phận: Phòng Kế hoạch – Nghiên cứu phát triển và Phòng Kỹ thuật; Sáp nhập Phòng Hành chính – Quản trị và Phòng CNTT – Truyền thông thành Văn phòng Công ty; Điều chuyển chức năng, nhiệm vụ sản xuất nước tại 07 Nhà máy: Phong Thu, Tứ Hạ, Hòa Bình Chương, Phú Bài, Lộc An, Lộc Trì, Chân Mây (*Có CS từ 2.000m³ /ngđ trở lên*) trực thuộc 3 Xí nghiệp cấp nước sang Trung tâm Vận hành tự động HTCN quản lý; Chuyển đổi cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của 3 Xí nghiệp cấp nước theo mô hình 09 CMA (*gắn với mô hình chính quyền 02 cấp của thành phố*) trực thuộc Xí nghiệp Cấp nước...

Đã thực hiện bổ nhiệm, điều động, luân chuyển công tác đối với 172 lượt; trong đó có 65 quyết định bổ nhiệm và 57 quyết định bổ nhiệm lại; điều động, luân chuyển, bố trí công tác đối với 03 vị trí cán bộ chủ chốt; 25 cán bộ quản lý cấp Tổ/Đội và 22 vị trí công nhân viên. Qua đó đã góp phần tích cực kiện toàn bộ máy tổ chức, tái cơ cấu các bộ phận theo hướng tinh giảm, gọn nhẹ, tăng cường chức năng tham mưu; nâng cao chất lượng, hiệu quả, khoa học của bộ máy quản lý điều hành.

Tiếp tục rà soát, bổ sung quy hoạch nhân sự hàng năm nhằm kịp thời bổ sung quy hoạch nguồn quy hoạch Lãnh đạo, Cán bộ quản lý, gắn với quy hoạch cấp ủy phù hợp với thực tế, mục tiêu chiến lược của Công ty; Hoàn thành hồ sơ bổ sung quy hoạch cấp ủy nhiệm kỳ 2025 – 2030; quy hoạch chi ủy các chi bộ nhiệm kỳ 2025-2027; Đồng thời xây dựng kế hoạch luân chuyển, điều động nhân sự phù hợp với quy hoạch nhân sự.

Chính sách tuyển dụng: Việc tuyển dụng tiếp tục được thực hiện công khai, rộng rãi trên các phương tiện truyền thông, xây dựng ngân hàng đề thi với sự tham gia của các bộ phận chuyên môn liên quan. Đã thu hút 15 nhân sự có chất lượng, trình độ chuyên môn cao: 10 Kỹ sư; 04 Cử nhân; 01 cử nhân cao đẳng đồng thời triển khai đánh giá lại sau khi hoàn thành thời gian thử thách.

Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực: Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt, Cán bộ trẻ luôn được Công ty chú trọng và triển khai thường xuyên nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ trẻ đủ năng lực, trí tuệ, bản lĩnh để không ngừng cống hiến, góp phần xây dựng HueWACO ngày càng phát triển vững mạnh (*đã triển khai 30 khóa đào tạo, với 1.000 lượt CBCNV tham gia*).

Chế độ làm việc: Công ty thực hiện chế độ làm việc 8h/ngày; 40 giờ/ tuần.

Chính sách trả lương: Việc trả lương cho người lao động được thực hiện theo Quy chế Tiền lương và thu nhập của Công ty, đồng thời căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh chung của bộ phận, đơn vị và mức độ đóng góp của người lao động theo hiệu quả công việc.

Năm 2025 thu nhập bình quân 18,3 triệu đồng/người/tháng, tăng 0,9 trđ ~ 5,2% so với 2024. Tiền lương bình quân người lao động được giữ vững và tăng tương ứng với hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo người lao động yên tâm sản xuất, gắn bó, đóng góp nhiều hơn nữa cho Công ty.

Chính sách khen thưởng: Được thực hiện theo Quy chế thi đua khen thưởng Công ty, đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, công bằng; gắn với việc hoàn thành các công tác trọng tâm, trọng điểm, các chỉ tiêu kế hoạch, giao khoán của các bộ phận. Ngoài khen thưởng định kỳ tháng, quý, năm. Công ty chú trọng đổi mới công tác thi đua – khen thưởng, tiến hành khen thưởng đột xuất, khen chuyên đề nhằm phát huy hơn nữa phong trào thi đua – khen thưởng, thúc đẩy năng suất lao động ngày càng nâng cao.

Phúc lợi của người lao động: Công ty thực hiện đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng quy định của chế độ chính sách nhà nước.

Công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của CBCNV Công ty

Thực hiện thường xuyên, có hiệu quả công tác nắm bắt tâm tư, nguyện vọng; Khảo sát sự thỏa mãn các chính sách, chế độ của Công ty; Nắm bắt tư tưởng, tình cảm, hoàn cảnh bản thân, gia đình CBCNV, Công ty đã quan tâm, động viên, chăm lo CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, tri ân đến cán bộ hưu trí, mừng thọ cho bố mẹ CBCNV 80 tuổi trở lên, quan tâm CBCNV có nhà mới,... Duy trì công tác tổ chức tặng quà sinh nhật hàng tháng cho CBCNV. Chế độ chính sách hỗ trợ cho ĐVCD bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, ốm đau bệnh tật, Chăm lo việc hiếu hỷ; Hoạt động vui chơi phát thưởng nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 01/6 cho con CBCNV. Tiếp tục đổi mới công tác tổ chức khám sức khỏe định kỳ nhằm nâng cao hiệu quả công tác khám, chữa, ngăn ngừa bệnh tật, cho CBCNV. Đặc biệt, từ năm 2022 đến nay, Công ty thực hiện chi 100% tham gia gói bảo hiểm PVI khám chữa bệnh tại Bệnh viện quốc tế cho toàn thể CBCNV và các đối tượng mở rộng; Thực hiện tốt chế độ, chính sách BHYT, BHXH, BHTNLĐ, BNN và các chế độ liên quan cho người lao động; Chế độ cấp phát BHLĐ và BHLĐ bằng tiền mặt hàng năm cho người lao động. Giải quyết chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật cho CBCNV-LĐ làm việc ở những khu vực và mang tính chất độc hại.

Tiếp tục xây dựng phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe trong toàn CBCNV Công ty; Duy trì các CLB thể thao; Đẩy mạnh phong trào văn nghệ, Duy trì tổ chức ngày hội “Gia đình HueWACO” định kỳ hàng năm.

Tổ chức có hiệu quả hoạt động tham quan nghỉ dưỡng hàng năm cho CBCNV nhằm tái tạo sức lao động, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cùng gia đình vào các dịp nghỉ Lễ, Tết trong năm 2025, đã tổ chức 12 đoàn tham quan, nghỉ dưỡng.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục triển khai Giai đoạn 2 Dự án NMXLN Vạn Niên công suất 120.000m³/ngđ, Nâng cấp nhà máy XLN Lộc An; Nâng cấp nhà máy XLN Phong Thu; Bể TCĐA Sịa 3000m³; Bể chứa Phú Bài, Tứ Hạ,...

Bên cạnh đó, HueWACO cũng triển khai dự án Dự án Cấp nước nông thôn giai đoạn 2021-2025 tại các khu vực A Lưới, Nam Đông, Phú Lộc, Phú Vang, Phong Điền, Quảng Điền và thị xã Hương Trà.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Năm 2024	(%) TH2025/ TH2024
1	Doanh thu thuần	Tr.đ	668.488	670.180	-0,25%
2	Lợi nhuận gộp	Tr.đ	292.324	293.394	-0,36%
3	Chi phí BH và QLDN	Tr.đ	83.589	81.871	2,10%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	160.235	155.016	3,37%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	142.081	134.986	5,26%
6	EPS	Đồng	1.350	1.283	5,26%

Năm 2025, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 668,49 tỷ đồng, giảm 0,25% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu sản xuất kinh doanh nước sạch đạt 628,90 tỷ đồng và doanh thu các hoạt động khác đạt 47,76 tỷ đồng.

Lợi nhuận sau thuế đạt 142,08 tỷ đồng, tăng 5,26% so với cùng kỳ, tương đương EPS 1.350 đồng.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm 2025 đạt 12,50% trên doanh thu thuần.

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	(+/-) 2025 so 2024
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
	- Hệ số thanh toán hiện hành	lần	1,76	2,00	0,24
	- Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,54	1,74	0,20
	- Hệ số thanh toán tiền mặt	lần	0,84	1,05	0,21
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
	- Hệ số nợ/tổng tài sản	%	44,59%	42,40%	-2,19%
	- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	%	80,48%	73,61%	-6,87%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
	- Vòng quay hàng tồn kho	vòng	6,50	5,93	-0,58
	- Vòng quay tổng tài sản	vòng	0,34	0,34	0,00
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	(+/-) 2025 so 2024
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	20,14%	21,25%	1,11%
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	%	12,45%	12,68%	0,23%
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	%	6,90%	7,30%	0,41%
	- Hệ số lợi nhuận gộp/ Doanh thu thuần	%	43,78%	43,73%	-0,05%

- Khả năng thanh toán: Chỉ số thanh toán hiện hành năm 2025 của công ty > 1 đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.

- Cơ cấu vốn: Hệ số nợ/ tổng tài sản và hệ số nợ/vốn CSH đều giảm so với cùng kỳ năm 2024.

- Năng lực hoạt động: Các chỉ số vòng quay hàng tồn kho được cải thiện trong năm 2025 cho thấy Công ty vẫn phát huy được chính sách quản lý hàng tồn kho hiệu quả và tối ưu; chỉ số vòng quay tổng tài sản duy trì tương đương năm 2024.

- Khả năng sinh lời: Năm 2025 với sự nỗ lực phát triển doanh thu và kiểm soát chi phí, tỷ suất lợi nhuận của công ty vẫn được duy trì tốt.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

Tính đến ngày 31/12/2025 số lượng cổ phần của Công ty như sau:

Vốn điều lệ đăng ký: 876.000.000.000 đồng

Tổng khối lượng cổ phần đã phát hành và niêm yết: 87.600.000 đồng

Loại cổ phần: 1 quyền/cổ phần

Số lượng cổ phiếu quỹ: 217.000 cổ phần

Loại phổ thông, mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông

(Theo danh sách cổ đông chốt ngày 28/7/2025)

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông lớn ($\geq 5\%$)	61.330.000	70,01%
	- Trong nước	61.330.000	70,01%
	- Nước ngoài	0	0,00%
2	Cổ đông khác ($\leq 5\%$)	26.053.000	29,74%
	- Trong nước	25.135.100	28,69%
	- Nước ngoài	917.900	1,05%
3	Cổ phiếu quỹ	217.000	0,25%
Tổng cộng		87.600.000	100,0%

- Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Ủy ban Nhân dân thành phố Huế	61.330.000	70,01%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Lịch sử tăng vốn: Kể từ thời điểm chuyển thành Công ty cổ phần (01/1/2017), đến nay, Công ty không có sự thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu, do đó, mức vốn điều lệ giữ nguyên là 876.000.000.000 đồng.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, các yếu tố có thể ảnh hưởng đến môi trường đều được Công ty chú trọng chỉ đạo, thực hiện để đảm bảo không gây ảnh hưởng môi trường.

Các dự án đầu tư đều được thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và thực hiện đầy đủ các cam kết chế độ báo cáo theo quy định về môi trường.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất nước sạch bao gồm một số hóa chất xử lý nước theo quy định phù hợp với tiêu chuẩn nước ăn uống như: Vôi, javel, PAC...

Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt công tác xả thải ra môi trường. Trong năm 2025, công ty đã áp dụng hệ thống xử lý bùn sử dụng máy ép bùn cho hai nhà máy lớn Vạn Niên và Quảng Tế, bùn sau khi cô đặc và làm khô sẽ được đơn vị thu gom vận chuyển xử lý theo quy định.

6.3. Tiêu thụ năng lượng

Công ty sử dụng nguồn năng lượng chính từ điện lưới quốc gia để phục vụ sản xuất kinh doanh; bên cạnh đó nhằm đảm bảo công tác cấp nước an toàn, liên tục Công ty sử dụng thêm nguồn nhiên liệu dầu diesel để vận hành máy phát khi có sự cố về lưới điện. Tuy nhiên từ năm 2018 đến nay, Công ty hướng tới sử dụng những nguồn năng lượng tái tạo như điện mặt trời, thủy điện tại các nhà máy tự chảy để đa dạng hóa nguồn năng lượng sử dụng và góp phần giảm tác hại môi trường bằng nguồn năng lượng xanh. Ngoài ra, Công ty đã phối hợp với các đơn vị chuyên môn bên ngoài thực hiện công tác kiểm toán năng lượng toàn Công ty để kiểm soát và thực hiện hiệu quả các giải pháp tiết giảm điện năng sử dụng.

6.4. Tiêu thụ nước

Nước đóng vai trò là nguồn nguyên liệu đầu vào đồng thời là sản phẩm đầu ra của công ty. Công ty sử dụng nguồn nước chủ yếu là nước mặt từ sông Hương, sông Bồ và sông Ô Lâu ... thông qua quá trình xử lý nước như lắng, lọc, khử trùng để sản xuất nguồn nước sạch cung cấp cho sinh hoạt, sản xuất, đáp ứng QCVN 01-1:2018 và Quy chuẩn địa phương QCVN 01:2022/TT-H. Công ty cũng luôn chú trọng khai thác nguồn nước hợp lý, cũng như đăng ký đầy đủ các giấy phép khai thác, sử dụng nguồn nước mặt nhằm bảo vệ nguồn tài nguyên nước cũng như đảm bảo sự phát triển bền vững của công ty.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, các yếu tố có thể ảnh hưởng đến môi trường đều được Công ty chú trọng chỉ đạo, thực hiện để đảm bảo không gây ảnh hưởng môi trường.

- Các dự án đầu tư đều được thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và thực hiện đầy đủ các cam kết chế độ báo cáo theo quy định về môi trường.

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định: Không có.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

- Tất cả CBCNV- LĐ đều được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội đầy đủ, kịp thời. Quy chế, thỏa ước lao động được ký với công đoàn và được cấp trên phê duyệt.

- Công đoàn cơ sở công ty tạo nguồn vốn cho CBCNV cần vay vốn từ quỹ tương trợ do CBCNV đóng góp hàng tháng.

6.7. Trách nhiệm cộng đồng – xã hội

Với định hướng phát triển bền vững trong tương lai, HueWACO không chỉ chú trọng tới lợi ích của Công ty mà còn quan tâm đến vấn đề cộng đồng và lợi ích xã hội. HueWACO luôn hiểu rằng sự phát triển của Công ty góp phần tạo nên sự phát triển của địa phương, xã hội, và ngược lại sự ủng hộ của cộng đồng địa phương cũng chính là động lực để Công ty nỗ lực hơn nữa trong tương lai. Công ty luôn tâm niệm rằng mọi hoạt động của công ty đang thực hiện đều hướng tới mục tiêu phục vụ cuộc sống của cộng đồng tốt hơn, để cả cộng đồng đều có thể được sử dụng nguồn nước sạch và an toàn. Trong những năm qua, công ty đã tổ chức nhiều hoạt động cộng đồng như quyên góp từ thiện, ủng hộ cho những đồng bào vùng lũ, hỗ trợ cán bộ công nhân viên gặp hoàn cảnh khó khăn,...

Ngoài nỗ lực kinh doanh, năm 2025, HueWACO luôn tích cực tham gia và đạt nhiều kết quả tốt trong thực hiện từ thiện xã hội, đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ người nghèo, giúp đỡ đồng bào bị thiệt hại do bão lụt,... với tổng giá trị các hoạt động trong năm lên đến hàng trăm triệu đồng.

C. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2025, Công ty đã không ngừng nỗ lực vượt khó, hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2025 đã đề ra (số liệu chi tiết trong mục B.1). Trong năm, Công ty thực hiện chấp hành tốt các chế độ, chính sách, pháp luật theo quy định về lĩnh vực thuế, tín dụng, bảo hiểm, bảo vệ môi trường, lao động, tiền lương, chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, chế độ báo cáo tài chính và báo cáo khác.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

(Đơn vị tính: đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2025	31/12/2024	Chênh lệch	
				(+/-)	(%)
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	525.288.439.437	468.368.679.618	56.919.759.819	12,15%
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	188.601.680.184	141.063.076.907	47.538.603.277	33,70%
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	86.647.390.768	81.162.254.424	5.485.136.344	6,76%
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	158.769.902.368	161.812.852.988	-3.042.950.620	-1,88%
IV	Hàng tồn kho	69.033.592.747	57.937.053.083	11.096.539.664	19,15%
V	Tài sản ngắn hạn khác	22.235.873.370	26.393.442.216	-4.157.568.846	-15,75%
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	1.420.271.002.525	1.488.802.872.412	-68.531.869.887	-4,60%
I	Các khoản phải thu dài hạn	174.024.000	174.024.000	0	0,00%
II	Tài sản cố định	1.245.117.985.966	1.313.442.001.427	-68.324.015.461	-5,20%
III	Chi phí XDCB dở dang	158.862.575.832	157.994.623.977	867.951.855	0,55%
IV	Tài sản dài hạn khác	16.116.416.727	17.192.223.008	-1.075.806.281	-6,26%
	Tổng cộng tài sản	1.945.559.441.962	1.957.171.552.030	-11.612.110.068	-0,59%

2.2. Tình hình nợ phải trả

(Đơn vị tính: đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2025	31/12/2024	Chênh lệch	
				(+/-)	(%)
I	Nợ ngắn hạn	262.145.877.951	265.770.299.743	-3.624.421.792	-1,36%
1	Phải trả cho người bán	27.520.012.951	27.454.623.326	65.389.625	0,24%

STT	Chỉ tiêu	31/12/2025	31/12/2024	Chênh lệch	
				(+/-)	(%)
2	Người mua trả tiền trước	11.368.855.825	10.466.490.072	902.365.753	8,62%
3	Thuế và các khoản phải nộp NN	6.019.925.547	4.922.585.304	1.097.340.243	22,29%
4	Phải trả người lao động	26.893.012.500	23.795.368.500	3.097.644.000	13,02%
5	Chi phí phải trả	6.529.185.509	5.236.732.340	1.292.453.169	24,68%
6	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	97.199.426.724	113.185.678.659	-15.986.251.935	-14,12%
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	61.783.444.640	60.349.728.702	1.433.715.938	2,38%
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	9.377.535.400	10.425.157.900	-1.047.622.500	-10,05%
9	Quỹ khen thưởng phúc lợi	15.454.478.855	9.933.934.940	5.520.543.915	55,57%
II	Nợ dài hạn	562.778.887.404	606.964.800.824	-44.185.913.420	-7,28%
	Tổng Nợ phải trả	824.924.765.355	872.735.100.567	-47.810.335.212	-5,48%

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tôn chỉ hoạt động: Làm việc theo kế hoạch, giải quyết công việc theo quy trình, điều hành theo quy chế, quy định, định mức kỹ thuật.

- Nâng cao năng lực bộ máy điều hành, từng thành viên Ban Tổng Giám đốc tiến tới chịu trách nhiệm điều hành toàn bộ Khối phụ trách. Gắn trách nhiệm với quyền hạn của cấp trưởng bộ phận, gắn với khoản chi phí, chịu trách nhiệm chính về nhân sự, tiền lương của bộ phận trên cơ sở hiệu quả công việc. Nâng cao chất lượng của Công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, kiểm tra việc thực thi công việc theo sự phân công nhiệm vụ hoặc phân cấp từ HĐQT.

- Thực hiện tái cơ cấu các bộ máy nhân sự, xây dựng mô hình hoạt động Tinh - Gọn - Mạnh phù hợp với mục tiêu, chiến lược phát triển Công ty trong giai đoạn 2025 – 2027, định hướng giai đoạn 2026 - 2030.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Duy trì cấp nước an toàn, hướng đến cấp nước an toàn và ngon, an ninh nước, phát triển bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tăng cường công tác nhân sự, phân cấp nhân sự chất lượng cao, làm tốt công tác dịch vụ khách hàng, hướng đến dịch vụ hoàn hảo.

- Nâng cao nhận thức người lao động, phát động thi đua tăng năng suất, chất lượng và cải tiến đổi mới phương pháp làm việc, phương pháp quản lý, khuyến khích người lao động đổi mới tư duy, sáng tạo, nâng cao hiệu quả làm việc.

- Không ngừng nghiên cứu, sáng tạo khoa học kỹ thuật; Các mục tiêu đột phá về cơ sở vật chất, nhà máy, thiết bị trên nền tảng công nghệ 4.0.

- Đẩy mạnh sản xuất kinh doanh các sản phẩm tiềm năng thế mạnh để tạo đột phá về doanh thu ngoài sản xuất kinh doanh nước sạch dựa trên các đề tài sáng kiến, công nghệ do HueWACO làm chủ.

D. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty

Năm 2025, Công ty đã tập trung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ SXKD, đảm bảo cung cấp nước sạch ổn định, an toàn và liên tục cho người dân và các tổ chức trên địa bàn. Đặc biệt, trong đợt lụt lịch sử cuối tháng 10 đầu tháng 11 dưới ảnh hưởng mưa lũ lớn, mặc dù gặp nhiều khó khăn như sự cố nước nguồn (sự cố ống nước thô, độ đục nước nguồn tăng đột biến...) và mất điện lưới..., việc sản xuất nước tại các NM trên toàn **TP vẫn đảm bảo** duy trì sản lượng đáp ứng nhu cầu, chất lượng nước sạch cấp ra mạng tất cả các nhà máy đảm bảo theo QCVN 01-1:2018/BYT, đặc biệt duy trì cấp nước liên tục 100% cho các cơ sở quan trọng của thành phố. Cụ thể, các chỉ tiêu kết quả SXKD trong năm 2025 như sau:

NGT đạt 63,50 triệu m³ (tăng 0,55% so với 2024), tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2024. Doanh thu hoạt động nước sạch đạt 628,90 tỷ đồng, đạt 94,0% kế hoạch và tăng 9,59 tỷ đồng (tương ứng tăng 1,55%) so với năm 2024. Lợi nhuận trước thuế đạt 160,23 tỷ đồng, đạt 100,15% kế hoạch, tăng 5,22 tỷ đồng (tương ứng tăng 3,37%) so với năm 2024; Lợi nhuận sau thuế đạt 142,08 tỷ đồng đạt 100,27% so với kế hoạch và tăng 7,10 tỷ đồng (tương ứng tăng 5,26%) so với năm 2024. Các khoản nộp ngân sách Nhà nước đạt 156,20 tỷ đồng, giảm 1,49 tỷ đồng (tương ứng giảm 0,94%) do 2025 là năm cuối cùng trả tiền nhận nợ theo Quyết định QĐ 1306 ngày 15/06/2018. Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2024 theo quy định Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 vào ngày 28/8/2025.

Công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển khách hàng, tăng tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch, trong đó lắp đặt mới 6.904 khách hàng, góp phần nâng tỷ lệ đầu nối toàn tỉnh đạt 317.594 đầu nối. Nhờ đó tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch toàn tỉnh đạt 97,70%; đảm bảo cấp nước an toàn trong điều kiện nắng nóng kéo dài, biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan.

Các chỉ tiêu về **chất lượng dịch vụ** tiếp tục được Công ty quan tâm, chú trọng, theo định hướng chuyển sang PHỤC VỤ khách hàng; Đẩy mạnh hơn nữa công tác chăm sóc khách hàng thông qua việc thực hiện 02 đề án chiến lược đó là Dịch vụ Khách hàng số và các Phòng giao dịch đạt chuẩn phù hợp gắn với sự điều chỉnh sắp xếp đơn vị hành chính của Thành phố; Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt toàn Công ty đến cuối năm 2025 đạt 90,08% (tăng 3,58% so với cùng kỳ).

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty, Hội đồng quản trị đã hoàn thành chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật trong việc giám sát đối với Ban TGD trong quá trình triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong việc quản lý và điều hành HueWACO thông qua các hoạt động:

- Thường xuyên tổ chức, chủ trì, tham gia các cuộc họp HĐQT, Ban TGD để chỉ đạo, đánh giá tình hình thực hiện, xem xét các giải pháp, kiểm tra giám sát ...các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, tài chính, tổ chức, nhân sự, tái cơ cấu công ty.

- Thường xuyên trao đổi, thảo luận với Ban TGD trong quá trình triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT công ty.

- Trong năm 2025, HĐQT đã thành lập 01 đoàn kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động của các đơn vị trực thuộc: Đoàn kiểm tra thành lập theo Quyết định số 51/QĐ-HWS ngày 15 tháng 9 năm 2025 về việc kiểm tra, giám sát các đơn vị trực thuộc Công ty.

3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT

- Để đạt được các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026 HĐQT tiếp tục chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty với 3 mục tiêu đột phá và 5 giải pháp trọng tâm.

- Tiếp tục nghiên cứu, đánh giá mô hình tổ chức và chức năng nhiệm vụ một số bộ phận để thực hiện tái cơ cấu, xây dựng mô hình hoạt động Tinh - Gọn - Mạnh phù hợp với mục tiêu, chiến lược phát triển Công ty giai đoạn 2025 - 2030.

- Công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác quản trị điều hành trong đó tập trung thực hiện chiến lược phát triển Công ty đến 2030, tầm nhìn 2045; Triển khai các chiến lược thành phần gồm: Chiến lược Tài chính, Kinh doanh, Nhân sự và Công nghệ.

- Đẩy mạnh triển khai 03 trụ cột chính Doanh nghiệp số phần đầu trở thành doanh nghiệp số trước năm 2027 trong nền tảng Chính quyền số và đô thị thông minh Huế; tập trung 03 trụ cột chính đó là:

+ Trụ cột đầu tiên, **Dịch vụ khách hàng số** hướng tới việc nâng cao trải nghiệm của khách hàng thông qua môi trường số, đổi mới đánh giá sự hài lòng của Khách hàng đối với chất lượng nước và dịch vụ của HueWACO trên cơ sở tương tác HAI CHIỀU, từ đó cải thiện chất lượng dịch vụ khách hàng, tiến tới cung cấp dịch vụ hoàn hảo.

+ Trụ cột thứ hai, **Vận hành tự động thông minh hệ thống cấp nước**, cấp nước an toàn, an ninh nước. Đẩy mạnh việc hợp tác, chuyển giao, tiếp thu kiến thức công nghệ với các đối tác trong nước và ngoài nước theo kim chỉ nam: **CÔNG NGHỆ - TỰ ĐỘNG – THÔNG MINH HỆ THỐNG CẤP NƯỚC**.

+ Trụ cột thứ ba, xây dựng hệ thống **Quản trị số** với mục tiêu tất cả công tác quản trị được tác nghiệp hoàn toàn trên NỀN TẢNG SỐ.

- Công ty tiếp tục tiết giảm chi phí thông qua việc tối ưu hóa các quy trình hoạt động, ứng dụng các công nghệ tiên tiến, công nghệ xanh vào quá trình sản xuất; đẩy mạnh công tác khoán, áp dụng hợp lý hiệu quả việc kiểm soát chi phí, chống lãng phí qua hoạt động đấu thầu, đấu giá; tối ưu hóa định mức các chi phí lớn như điện năng, hóa chất, ...quản lý tốt dòng tiền, tối ưu hóa nguồn vốn. Chú trọng nhiều hơn đến quản trị rủi ro; trong đó tập trung vào quản trị các rủi ro liên quan đến công tác Cấp nước an toàn (biến đổi khí hậu, môi trường); tài chính và thị trường; mục tiêu chung là Kiểm soát được.

- Triển khai chỉ tiêu kế hoạch trọng tâm năm 2026

+ Chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026 theo nghị quyết, cụ thể, phân đầu sản lượng nước thương phẩm đạt 64,73 triệu m³, tăng 1,18 %, tổng doanh thu đạt 642,60 tỷ đồng (tăng 4,97%), tỷ lệ tồn thu thấp hơn 0,8 %; tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt đạt trên 95,0 %. Tiếp tục hoàn thiện và triển khai chiến lược phát triển Công ty giai đoạn đến năm 2030; tầm nhìn 2045. Tiếp tục thực hiện đề án doanh nghiệp số HueWACO.

+ Thực hiện, quản lý tốt các Dự án lớn: Tiếp tục triển khai giai đoạn 02 Dự án NMXLN Vạn Niên công suất 120.000m³/ngđ (Giai đoạn 2); Dự án TTVHTĐ giai đoạn 2.2; Dự án đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 chuyển tiếp 2025 – 2030,...; Đề xuất đầu tư Nhà máy Lộc Thủy (22.000m³/ngđ), Nhà máy Lộc Bồn; Nâng cấp NM Lộc An, Bể chứa: Bể TCĐA Sĩa 3000m³; Bể chứa Phú Bài, Tứ Hạ,...

E. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên HĐQT

STT	Họ và Tên	Chức vụ
1	Ông Lê Quang Minh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Dương Quý Dương	TV Hội đồng quản trị
3	Ông Trương Công Hân	TV Hội đồng quản trị
4	Ông Vương Đình Nam	TV Hội đồng quản trị
5	Ông Nguyễn Trọng Hiếu	TV Hội đồng quản trị

1.2. Đánh giá hoạt động của HĐQT

Với sự chỉ đạo kịp thời, sâu sát của HĐQT; sự nỗ lực của Ban Tổng giám đốc cùng toàn thể CBCNV đoàn kết, thống nhất đã từng bước khắc phục các tồn tại, đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD theo Nghị quyết của HĐQT.

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty. Các Nghị quyết của HĐQT ban hành đều có sự thống nhất cao. Sự phối hợp giữa HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty đều được thực hiện chặt chẽ và phù hợp.

Các cuộc họp của HĐQT:

T T	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Lê Quang Minh	CT HĐQT	24/12/2021	4/4	100%	
2	Ông Dương Quý Dương	TV HĐQT	01/01/2017	4/4	100%	
3	Ông Trương Công Hân	TV HĐQT	01/01/2017	4/4	100%	
4	Ông Vương Đình Nam	TV HĐQT	17/06/2022	4/4	100%	
5	Ông Nguyễn Trọng Hiếu	TV HĐQT	30/05/2023	3/4	75%	Vắng có lý do

- Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Thời gian	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	1/QĐ-HWS	03/01/2025	V/v giao chỉ tiêu phần đầu Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2025	100%
2	2/NQ-HĐQT	20/01/2025	V/v phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Điều hành công ty	100%
3	4/QĐ-HĐQT	20/01/2025	V/v bổ nhiệm Người phụ trách quản trị và Thư ký công ty	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Thời gian	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
4	5/KH-HĐQT	17/02/2025	Kế hoạch họp HĐQT Quý I/2025	100%
5	6/Ctr-HĐQT	17/02/2025	Chương trình họp HĐQT Quý I/2025	100%
6	8/BB-HĐQT	19/02/2025	Biên bản họp Hội đồng quản trị Quý 1 - 2025	100%
7	9/NQ-HĐQT	24/02/2025	V/v tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
8	10/QĐ-HĐQT	26/02/2025	V/v thành lập Ban Điều độ sản xuất nước	100%
9	11/BB-HĐQT	26/02/2025	Trích Biên bản họp Hội đồng quản trị Về việc đánh giá người đại diện phần vốn nhà nước năm 2024	100%
10	12/Ctr-HĐQT	24/04/2025	Chương trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2025	100%
11	13/QC-HĐQT	24/04/2025	Quy chế làm việc và thể lệ biểu quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
12	14/TTr-HĐQT	24/04/2025	Về kết quả hoạt động Sản xuất kinh doanh năm 2024 và định hướng kế hoạch SXKD - đầu tư năm 2025	100%
13	15/BC-HWS	24/04/2025	Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và định hướng hoạt động và kế hoạch năm 2025	100%
14	16/BC-HĐQT	24/04/2025	Tóm tắt Báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận năm 2024, kế hoạch tài chính năm 2025	100%
15	17/TTr-HĐQT	24/04/2025	Chế độ tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị thành viên Ban kiểm soát, Người Quản trị và Thư ký và Người lao động Công ty	100%
16	18/BC-BKS	24/04/2025	Báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội Cổ đông thường niên năm 2025	100%
17	19/TTr-BKS	24/04/2025	V/v thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025	100%
18	20/BC-ĐDPVNN	25/04/2025	Báo cáo kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
19	21/BB-ĐHĐCĐ	25/04/2025	Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
20	22/NQ-HĐQT	25/04/2025	Về việc thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông	100%
21	23/BC-NĐDVNN	28/04/2025	Báo cáo về việc thực hiện tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
22	24/NQ-HĐQT	07/05/2025	V/v phê duyệt bảng lương đối với Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban Kiểm soát và Ban điều	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Thời gian	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			hành tại Công ty Cổ phần Cấp nước Huế năm 2025	
23	25/KH-HĐQT	09/06/2025	Kế hoạch họp HĐQT Quý II/2025	100%
24	26/PGQCV	09/06/2025	Chương trình Họp HĐQT quý II/2025	100%
25	27/BB-HĐQT	20/6/2025	Biên bản họp HĐQT Quý II/2025	100%
26	28/NQ-HĐQT	20/6/2025	Về việc phê duyệt Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2025 -2027	100%
27	29/NQ-HĐQT	20/6/2025	Về việc phê duyệt mô hình quản lý theo CMA	100%
28	30/NQ-HĐQT	20/6/2025	Về việc phê duyệt các chỉ tiêu điều hành Kế hoạch công việc trọng tâm 6 tháng cuối năm 2025	100%
29	31/NQ-HĐQT	20/6/2025	Về việc ban hành Quy chế tiền lương và thu nhập	100%
30	32/NQ-HĐQT	20/6/2025	Về việc phê duyệt chủ trương bố trí nguồn vốn đối ứng thực hiện dự án Cấp nước nông giai đoạn 2021-2025 tại Công ty Cổ phần Cấp nước Huế	100%
31	33/QĐ-HĐQT	23/06/2025	Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Tuyến ống cấp nước DN600 Phú Xuân - Tứ Hạ	100%
32	34/QĐ-HĐQT	23/06/2025	Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Tuyến ống cấp nước DN600 đường Tổ Hữu nối dài đi sân bay Phú Bài	100%
33	35/NQ-HĐQT	27/06/2025	V/v chia cổ tức năm 2024 bằng tiền	100%
34	36/NQ-HĐQT	01/07/2025	V/v chia cổ tức năm 2024 bằng tiền	100%
35	37/QĐ-HĐQT	01/07/2025	V/v quy định mô hình tổ chức mới của XNCN và chức năng, nhiệm vụ của CMA mới	100%
36	38/QĐ-HĐQT	01/07/2025	V/v sửa đổi, bổ sung cơ cấu tổ chức Xí nghiệp Cấp nước Hương Giang	100%
37	39/QĐ-HĐQT	01/07/2025	V/v sửa đổi, bổ sung cơ cấu tổ chức Xí nghiệp Cấp nước Hương Phú	100%
38	40/QĐ-HĐQT	01/07/2025	V/v sửa đổi, bổ sung cơ cấu tổ chức Xí nghiệp Cấp nước Hương Điền	100%
39	41/BB-HĐQT	28/07/2025	Biên bản họp HĐQT về việc kiểm điểm trách nhiệm, rút kinh nghiệm đối với cá nhân có những hạn chế, thiếu sót tại Kết luận số 865/KL-TTr ngày 07/7/2025 của Chánh Thanh tra thành phố Huế	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Thời gian	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
40	42/QĐ-HĐQT	29/07/2025	V/v sửa đổi Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành kèm theo Quyết định số 12/QĐ-HĐQT ngày 25/01/2024 của Hội đồng quản trị	100%
41	43/BC-HĐQT	30/07/2025	Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2025 phục vụ CBTT của UBCKNN và APED	100%
42	44/BC-HĐQT	30/07/2025	BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025	100%
43	45/QĐ-HĐQT	30/07/2025	Về việc Giao chỉ tiêu kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm cho Trung Tâm Vận hành tự động HTCNN	100%
44	46/QĐ-HĐQT	30/07/2025	Về việc Giao chỉ tiêu kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm cho các CMA thuộc XNCN Hương Giang	100%
45	47/QĐ-HĐQT	30/07/2025	Về việc Giao chỉ tiêu kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm cho các CMA thuộc XNCN Hương Phú	100%
46	48/NQ-HĐQT	30/07/2025	Về việc Giao chỉ tiêu kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm cho các CMA thuộc XNCN Hương Điền	100%
47	49/KH-HĐQT	12/09/2025	Kế hoạch họp HĐQT Quý III/2025	100%
48	50/Ctr-HĐQT	12/09/2025	CHƯƠNG TRÌNH HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ QUÝ III-2025	100%
49	51/QĐ-HĐQT	15/09/2025	Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra, giám sát của HĐQT năm 2025	100%
50	52/BB-HĐQT	18/09/2025	BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - Quý III – Năm 2025	100%
51	53/QĐ-HĐQT	30/09/2025	Quy chế mua sắm tài sản, vật tư, hàng hóa	100%
52	54/QĐ-HĐQT	15/10/2025	Quy định hạn mức vay vốn tại Công ty	100%
53	55/KH-HĐQT	19/12/2025	Kế hoạch, Chương trình và Thư mời họp HĐQT Quý IV, 2025	100%
54	56/KH-HĐQT	19/12/2025	Chương trình họp Hội đồng quản trị quý IV 2025	100%
55	57/BB-HĐQT	24/12/2025	BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - Quý IV – Năm 2025	100%
56	58/NQ-HĐQT	31/12/2025	Về việc đồng ý vay vốn để thực hiện dự án Trạm trung chuyển điều áp Sịa	100%

- Thành viên HĐQT độc lập: Không có

1.3. Các tiểu ban trực thuộc: Không có

1.4. Đào tạo về quản trị công ty

Trong năm 2025, các thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc tiếp tục được tạo điều kiện tham dự các chương trình đào tạo ngắn hạn và dài hạn về quản trị, tài chính và các lĩnh vực chuyên môn khác.

2. Báo cáo của Ban Kiểm soát

2.1. Đánh giá hoạt động của BKS

HĐQT đã luôn tạo điều kiện cho BKS tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng. HĐQT, Ban điều hành đã phối hợp chặt chẽ và luôn tạo điều kiện để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

Các cuộc họp trong năm của BKS:

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Trương Ngự Bình	Trưởng BKS	4/4	100%	
2	Bà Trần Thị Bé	TV BKS	4/4	100%	
3	Bà Đào Thị Hoàng Oanh	TV BKS	4/4	100%	

2.3. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025

Trong năm 2025, BKS đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo Quy chế hoạt động của BKS: thường xuyên giám sát tình hình hoạt động của Công ty, thực hiện việc kiểm tra, giám sát về tài chính, báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời giám sát, đánh giá sự tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc. Trong năm, tham gia đoàn kiểm tra giám sát HĐQT 2025 theo Quyết định số 51/QĐ-HWS ngày 15 tháng 9 năm 2025 về việc kiểm tra, giám sát các đơn vị trực thuộc Công ty; công tác PCLB của các Xí nghiệp và Trung tâm trực thuộc.

Phối hợp với HĐQT thực hiện, triển khai kế hoạch đối ngoại 2025. Đồng thời, phối hợp rà soát xây dựng kế hoạch đối ngoại năm 2026.

2.4. Những kiến nghị của BKS về phương hướng hoạt động năm 2026

Công ty tiếp tục định hướng phát triển với 3 mục tiêu đột phá và 5 giải pháp trọng tâm trong đó, năm 2026 tập trung triển khai các công việc trọng tâm cụ thể như sau:

- Tiếp tục thực hiện đột phá về cơ sở vật chất, nhà máy, thiết bị ngày càng hiện đại vận hành trên nền tảng công nghệ số, tập trung: triển khai giai đoạn 02 Dự án NMXLN Vạn Niên công suất 120.000m³/ngđ (Giai đoạn 2); đề xuất đầu tư Nhà máy Lộc Thủy (22.000m³/ngđ), Nhà máy Lộc Bôn; Nâng cấp NM Lộc An, Bể chứa: Bể TCĐA Sĩa 3000m³; Bể chứa Phú Bài, Tứ Hạ, thi công các Tuyến ống: D600 QL1A đoạn tránh Huế (Huế - Tứ Hạ); D600 Võ Văn Kiệt (Huế - Phú Bài); tuyến DN800 vành đai 3 Huế,....

- Tiếp tục đổi mới về cơ cấu tổ chức nhân sự thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, luân chuyển, bổ nhiệm nhằm điều chỉnh mô hình tổ chức phù hợp thực tiễn của công ty; tổ chức thi tuyển, thu hút nhân lực có trình độ cao, tuyển dụng nhân sự phù hợp với cơ cấu tổ chức và định hướng của Công ty cho giai đoạn 2025-2027. Đặc biệt, triển khai thi tuyển các chức danh lãnh đạo, quản lý trong năm 2026 đáp ứng tiêu chuẩn quy hoạch nhân sự Công ty giai đoạn 2025-2027 và tầm nhìn 2030.

- Tiếp tục thực hiện làm việc theo Kế hoạch; rà soát, hoàn chỉnh Quy chế, Quy trình, Quy định, định mức KTKT; gắn với tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nhân sự theo hướng tinh gọn, liên thông, đầy đủ theo từng nhóm lĩnh vực.

- Quyết tâm, quyết liệt thực hiện đề án doanh nghiệp số HueWACO, trong đó:

+ Khách hàng số - tập trung vào tương tác hai chiều, nâng cao chất lượng dịch vụ; phân khúc, quản lý khách hàng toàn diện.

+ Hoàn thành Dự án vận hành tự động tập trung sản xuất nước (các nhà máy trung tâm, các nhà máy phía Bắc, các nhà máy phía Nam, các nhà máy nhỏ); gắn với nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ xử lý nước cấp. Triển khai đề án HueWOC (thí điểm thành lập ban Đề án), tập trung hoạch định, triển khai quyết liệt, phân đầu hoàn thành trong 02 năm 2026-2027; gắn với giảm thiểu chỉ tiêu NRW.

+ Nâng cao 1 bước quản trị điều hành số gắn với công tác điều độ sản xuất trên cả 03 khâu: điều độ sản xuất nước, điều độ nhân lực gắn với chi trả thu nhập tương ứng hiệu quả công việc; điều độ vật lực; đảm bảo SXKD hiệu quả, bền vững.

- Đẩy mạnh công tác giao khoán và tư vấn, chuyển giao công nghệ xử lý nước sạch cho các công ty cấp nước trên toàn quốc dựa trên nền tảng các đề tài sáng kiến của HueWACO nhằm nâng cao chất lượng nước sạch, hướng đến cấp nước an toàn.

3. Giao dịch và thù lao của HĐQT, BKS và BGD

3.1. Thù lao của HĐQT, BKS và BGD

Hội đồng quản trị Công ty đã trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua mức thù lao đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách và Thư ký Công ty năm 2025, như sau:

- Thành viên HĐQT (không chuyên trách), NQT: 3 triệu đồng/người/tháng;

- Thành viên BKS (không chuyên trách), Thư ký: 2 triệu đồng/người/tháng.

3.2. Giao dịch cổ phiếu của NNB và NLQ đến NNB: Phụ lục 01.

3.3. Giao dịch, hợp đồng của công ty với người có liên quan: Phụ lục 02.

4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ nhằm đảm bảo Công ty được vận hành suôn sẻ; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích chung của công ty và của các cổ đông nói riêng; tạo mọi điều kiện cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả.

HĐQT đã triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông một cách quyết liệt và phù hợp; HĐQT nghiên cứu, xem xét cụ thể các tham vấn của cổ đông để có những phương hướng hợp lý nhằm đáp ứng mong mỏi của cổ đông về hoạt động sản xuất kinh doanh, mang lại hiệu quả và lợi nhuận cho công ty, cho cổ đông.

F. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của Kiểm toán đối với Báo cáo tài chính

Trong Báo cáo tài chính kiểm toán 2025, đơn vị kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt đã đưa ra ý kiến ngoại trừ dựa trên cơ sở:

Theo thuyết minh số V.10 “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang”, một số Công trình phát sinh trước năm 2022, Công ty không theo dõi chi tiết theo từng công trình với số dư tại ngày 31/12/2025 là 24.056.136.226 đồng.

Ngoại trừ sự ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu tại “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cấp nước Huế tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Chi tiết báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần Cấp nước Huế đã được công bố thông tin trên website: www.huewaco.com.vn, chuyên mục Quan hệ cổ đông./.

Nơi nhận:

- UBCK NN (để báo cáo);
- Sở GD&ĐT Hà Nội (để báo cáo);
- Thành viên HĐQT, Ban KS;
- Lưu VT, P.KH-NCPT.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Lê Quang Minh

Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa báo cáo bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong báo cáo bằng tiếng Việt được áp dụng.

**PHỤ LỤC 01. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ
NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**

STT	Người/Tổ chức thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, thưởng,...)	Thời gian giao dịch
			Số CP	Tỷ lệ (%)	Số CP	Tỷ lệ (%)		
1	Cao Huy Tường Minh		0	0	5.600	0,006	Mua cổ phiếu	T6/2025
2	Trương Nữ Như Ngọc		452.800	0,52	42.400	0,048	Bán cổ phiếu	T9/2025

PHỤ LỤC 02. GIAO DỊCH, HỢP ĐỒNG CỦA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	Mặt hàng	Số HĐ	Ngày HĐ	Tiền hàng
I	CÔNG TY CP DNP HAWACO			
1	Đồng hồ DN 15 ITRON - Cấp C	522	16/04/2025	248.400.000
2	Đồng hồ DN 15 ITRON - Cấp C	522	16/04/2025	21.274.000
3	Đồng hồ DN 15 ITRON - Cấp C	678	12/05/2025	1.242.000.000
4	Van đồng DN 20-27 Muller	688	13/05/2025	977.831.800
5	Đồng hồ DN 15 ITRON - Cấp C	741	19/05/2025	2.182.458.600
6	Mặt đọc tự động cho đồng hồ Itron	755	20/05/2025	660.000.000
7	Bột keo tụ PAC ấn Độ	923	10/06/2025	475.200.000
8	Đồng hồ điện tử DN150 (Pin) Aigner	924	10/06/2025	2.988.073.000
9	Bột keo tụ PAC ấn Độ	1167	04/07/2025	466.560.000
10	Đồng hồ DN 15 ITRON - Cấp C	1265	17/07/2025	4.277.350.800
11	Đồng hồ DN 15 ITRON - Cấp B	1266	17/07/2025	93.530.160
12	Đồng hồ DN 15 ITRON - Cấp B	1266	17/07/2025	5.139.200
13	Van góc đơn DN 20-27 Muller	1274	18/07/2025	156.240.700
14	Van góc đơn DN 20-27 Muller	1348	25/07/2025	679.871.500
15	Đồng hồ DN 15 ITRON - Cấp B	1426	01/08/2025	203.128.560
16	Đồng hồ DN 15 ITRON - Cấp B	1426	01/08/2025	13.008.600
17	Van góc đơn DN 20-27 Muller	1428	01/08/2025	489.456.000
18	Bột keo tụ PAC ấn Độ	1441	04/08/2025	449.280.000
19	Đồng hồ DN 20 ITRON - Cấp 2	1566	19/08/2025	79.758.000
20	Đồng hồ DN 20 ITRON - Cấp 2	1615	25/08/2025	57.348.000
21	Đồng hồ điện tử DN 50 (Pin) Aigner	1626	28/08/2025	2.025.221.400
22	Bột keo tụ PAC ấn Độ	1653	29/08/2025	483.840.000
23	Van góc đơn DN 20-27 Muller	1734	12/09/2025	286.907.400
24	Bột keo tụ PAC ấn Độ	1816	19/09/2025	483.840.000
25	Bột keo tụ PAC ấn Độ	1857	23/09/2025	760.320.000
26	Đồng hồ điện tử DN 50 (Pin) Aigner	1858	23/09/2025	358.074.000
27	Đồng hồ DN 15 ITRON - Cấp C	1896	30/09/2025	2.308.878.000
28	Đồng hồ DN 20 ITRON - Cấp 2	1902	02/10/2025	636.795.000
29	Van góc đơn DN 20-27 Muller	1935	06/10/2025	886.845.132
30	Bột keo tụ PAC ấn Độ	2180	10/11/2025	345.600.000
31	Bột keo tụ PAC ấn Độ	2192	12/11/2025	345.600.000
32	Van góc đơn DN 20-27 Muller	2248	18/11/2025	960.081.012
33	Van góc đơn DN 20-27 Muller	2261	18/11/2025	-9.799.920
34	Bột keo tụ PAC ấn Độ	2259	19/11/2025	259.200.000
35	Bột keo tụ PAC ấn Độ	2292	24/11/2025	483.840.000
36	Bột keo tụ PAC ấn Độ	2296	25/11/2025	293.760.000

STT	Mặt hàng	Số HĐ	Ngày HĐ	Tiền hàng
37	Muối tinh (Ấn Độ)	2296	25/11/2025	175.500.000
38	Muối tinh (Ấn Độ)	2296	25/11/2025	175.500.000
39	Muối tinh (Ấn Độ)	2296	25/11/2025	169.000.000
40	Muối tinh (Ấn Độ)	2296	25/11/2025	143.000.000
41	Muối tinh (Ấn Độ)	2296	25/11/2025	182.000.000
42	Muối tinh (Ấn Độ)	2296	25/11/2025	182.000.000
43	Muối tinh (Ấn Độ)	2296	25/11/2025	143.000.000
44	Muối tinh (Ấn Độ)	2296	25/11/2025	182.000.000
45	Muối tinh (Ấn Độ)	2296	25/11/2025	182.000.000
46	Muối tinh (Ấn Độ)	2296	25/11/2025	182.000.000
47	Muối tinh (Ấn Độ)	2296	25/11/2025	182.000.000
48	Muối tinh (Ấn Độ)	2296	25/11/2025	65.000.000
49	Muối tinh (Ấn Độ)	2296	25/11/2025	182.000.000
	TỔNG TIỀN			28.819.910.944